

KẾ HOẠCH
Phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 25/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 25/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khai thác hợp lý các nguồn lực để tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Yêu cầu

Xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra để lĩnh vực công nghiệp của tỉnh có bước đột phá trong giai đoạn 2021-2025. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế nhằm nâng cao giá trị sản xuất, giá trị xuất khẩu, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đóng góp lớn hơn vào ngân sách, tạo việc làm cho lao động địa phương. Phát triển công nghiệp của tỉnh theo hướng tập trung, phù hợp lợi thế của từng vùng: Khu vực phía Nam của tỉnh và thành phố Tuyên Quang, ưu tiên phát triển các ngành: Chế biến gỗ, giấy, điện tử, công nghiệp phụ trợ, chế biến sâu khoáng sản, vật liệu xây dựng, chế biến đồ uống, dược phẩm,...; khu vực phía Bắc của tỉnh ưu tiên phát triển các ngành: Dệt may, da giày, chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thực phẩm và dược liệu,...

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm đi vào sản xuất các dự án công nghiệp trọng điểm. Thực hiện tốt, có chất lượng, hiệu quả công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư để tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, thu hút được các tập đoàn, công ty lớn có tiềm lực đầu tư các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường, đóng góp nhiều cho

ngân sách; đồng thời dẫn dắt sản xuất, chuyển giao công nghệ, tác động lan tỏa đến môi trường phát triển công nghiệp của tỉnh, góp phần tăng tỷ trọng công nghiệp, là ngành kinh tế đóng góp quan trọng, bền vững vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

Phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

(1)- Giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh 2010) đạt trên 27.700 tỷ đồng, tăng bình quân 05 năm (2021 - 2025) trên 14% (*phụ lục I kèm theo*).

(2)- Cơ cấu lao động ngành công nghiệp chiếm trên 25,8%, tương đương trên 138.700 lao động, trong đó lao động qua đào tạo chiếm trên 65%.

(3)- Cơ cấu ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt trên 24,7%.

(4)- Hoàn thành quy hoạch, thành lập mới: Khu công nghiệp Nam Sơn Dương, Khu công nghiệp Tam Đa (huyện Sơn Dương) và Khu công nghiệp Nhữ Khê (huyện Yên Sơn); điều chỉnh mở rộng Khu công nghiệp Long Bình An (thành phố Tuyên Quang).

(5)- Quy hoạch, thành lập mới ít nhất 5 cụm công nghiệp.

(6)- Tỷ lệ trung bình lấp đầy khu, cụm công nghiệp phấn đấu đạt trên 60%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Tuyên truyền sâu, rộng về nội dung Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 25/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và các nội dung cụ thể của Kế hoạch này nhằm nâng cao nhận thức và hành động, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

2. Về cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp

2.1- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ đã có của Trung ương và địa phương: Về phát triển công nghiệp hỗ trợ (Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 và Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ), hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh), hỗ trợ các dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)...

2.2- Rà soát, hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh các chính sách về khuyến công, khuyến khích phát triển tiêu thủ công nghiệp, hỗ trợ các nhà đầu tư trong đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề lao động và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý, vận hành sản xuất, kinh doanh.

2.3- Xây dựng, ban hành các chính sách về thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.4- Xây dựng, ban hành Chính sách thu hút đầu tư vào những ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế, giá trị kinh tế cao: chế biến nông lâm sản; công nghiệp phụ trợ, điện tử; chế biến sâu khoáng sản; chế biến dược liệu...

2.5- Rà soát, đề nghị Trung ương điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tạo môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp thực sự thuận lợi, hiệu quả cho cả nhà đầu tư và Nhà nước.

2.6- Xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất về đất đai, giải quyết thủ tục hành chính, phát triển vùng nguyên liệu, lao động để thu hút các nhà đầu tư.

2.7- Hoàn thành khoanh vùng, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và triển khai xây dựng Quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung: chè, cam, mía, gỗ rừng trồng; các vùng nguyên liệu mới có lợi thế: Nuôi trồng thủy sản, trồng dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng,... đáp ứng nguyên liệu chế biến, sản xuất cho các nhà máy.

2.8- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ liên kết giữa người sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo thành chuỗi liên kết chặt chẽ, hiệu quả, bền vững; tập trung vào các sản phẩm chủ lực: Gỗ rừng trồng, chè, mía, thủy sản, dược liệu...

3. Huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp; ưu tiên đầu tư hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp

3.1- Hoàn thành quy hoạch, thành lập mới 03 Khu công nghiệp, gồm: (1) Khu công nghiệp Nam Sơn Dương, (2) Khu công nghiệp Tam Đa thuộc huyện Sơn Dương và (3) Khu công nghiệp Đội Cấn - Nhữ Khê. Điều chỉnh mở rộng Khu công nghiệp Long Bình An.

3.2- Thành lập mới 07 cụm công nghiệp, gồm: (1) Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế, (2) Cụm công nghiệp Tam Đa (3) Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2, huyện Sơn Dương; (4) Cụm công nghiệp An Hòa - Long Bình An và (5) Cụm công nghiệp bám trục đường Hồ Chí Minh, thành phố Tuyên Quang; (6) Cụm công nghiệp Đội Cấn - Nhữ Khê (7) Cụm công nghiệp Yên Sơn, huyện Yên Sơn và các cụm công nghiệp ở những nơi có lợi thế phát triển cụm công nghiệp.

3.3- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025.

3.4- Tổ chức thực hiện Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

3.5- Xây dựng, triển khai dự án nâng cấp lưới điện trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và dự án cấp điện nông thôn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

3.6- Xây dựng Kế hoạch sử dụng nguồn lực từ Quỹ phát triển đất để tạo quỹ đất sạch, xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh.

4. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế; thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư

4.1- Rà soát, điều chỉnh cơ cấu lại các ngành công nghiệp hiện có, đảm bảo hiệu quả, bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế, điều kiện từng vùng, từng địa phương, thu hút, phát triển các ngành, các dự án công nghiệp mới, theo hướng tập trung, phù hợp với vùng nguyên liệu chế biến; mời gọi, thu hút các nhà đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sản xuất các sản phẩm kỹ thuật tiên tiến, thị trường ưa chuộng, đóng góp lớn cho ngân sách địa phương.

4.2- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, rà soát, đánh giá tình hình phát triển các khu, cụm công nghiệp hàng năm để chỉ đạo, điều hành phân đấu đến năm 2025 tỷ lệ lấp đầy khu, cụm công nghiệp đạt trên 60%; giải quyết, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, triển khai dự án mới của nhà đầu tư; xem xét quy hoạch, mở rộng không gian ở những nơi có điều kiện để ưu tiên phát triển mô hình khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị, khu công nghiệp sinh thái; quy hoạch định rõ các ngành nghề trong các khu, cụm công nghiệp, chú trọng ngành công nghiệp chế biến, phụ trợ.

4.3- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đi vào sản xuất đối với các dự án sản xuất công nghiệp đã có chủ trương đầu tư; đẩy nhanh tiến độ mở rộng Khu công nghiệp Long Bình An, thành phố Tuyên Quang; dự án mở rộng Nhà máy bột giấy và giấy An Hòa; phân đấu hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy gang thép Tuyên Quang; có giải pháp, xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, nhất là các dự án không triển khai thực hiện.

4.4- Xây dựng Kế hoạch tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu (*xác định cụ thể giá trị sản xuất đến năm 2025*) đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu; ưu tiên chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, nhất là chế biến sản phẩm xuất khẩu (*xác định cụ thể giá trị sản xuất đến năm 2025*), thúc đẩy liên kết giữa sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, bền vững, hài hòa lợi ích giữa các thành phần trong chuỗi liên kết.

4.5- Xây dựng Kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (*xác định các ngành cụ thể, giá trị sản xuất đến năm 2025*); khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất mở rộng quy mô, đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại, tiên tiến, nhất là ứng dụng tự động hoá để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, sản xuất, chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng.

4.6- Xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; Tích cực xúc tiến, mời gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp điện tử, dược phẩm, thực phẩm, đồ uống, dự án

về cơ khí, luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng mới; phát triển công nghiệp phụ trợ của ngành điện tử, dệt may, da giày và các ngành tinh có lợi thế. Ưu tiên các dự án tạo ra sản phẩm chất lượng, giá trị kinh tế cao, công nghệ hiện đại, phù hợp với thị trường và thân thiện với môi trường.

4.7- Xây dựng Dự án phát triển và nâng cấp hệ thống lưới điện trong toàn tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ để tạo uy tín, độ tin cậy trong cung cấp, sử dụng điện, nhất là ở các khu vực có nhu cầu sử dụng điện năng lớn. Phấn đấu 100% thôn, bản có điện lưới quốc gia.

4.8- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án thủy điện đã có chủ trương đầu tư như: Nhà máy Thủy điện Sông Lô 7, Nhà máy Thủy điện Yên Sơn. Đề nghị bổ sung quy hoạch và đầu tư nâng công suất của Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang, Nhà máy thủy điện Sông Lô 9. Đảm bảo tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trên 12%/năm.

4.9- Đa dạng các hình thức, giải pháp thu hút đầu tư phát triển nguồn năng lượng: Thủy điện, năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời, các dạng năng lượng khác từ các nước có nền công nghiệp phát triển mạnh về nguồn lực, công nghệ tiên tiến, hiện đại.

4.10- Đánh giá trữ lượng nước mặt, nước ngầm để quy hoạch khai thác, sử dụng đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn, nhất là khu vực thành phố, các thị trấn, huyện lỵ, các khu, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, nơi tập trung đông dân cư; đồng thời đáp ứng các mục tiêu về đảm bảo an ninh nguồn nước trong tương lai.

4.11- Thực hiện chương trình nước sạch quốc gia, hỗ trợ cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người nghèo.

4.12- Rà soát, đánh giá lại công tác quản lý, kinh doanh nước sạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên.

4.13- Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế, tạo thêm nhiều ngành nghề sản xuất, kinh doanh, việc làm cho các hợp tác xã, doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ,... đóng góp vào giá trị công nghiệp của tỉnh.

5. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển

5.1- Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, chú trọng tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5.2- Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích

khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực ngành công nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động công nghiệp.

5.3- Huy động nguồn lực, trong đó lồng ghép nguồn lực các Chương trình mục tiêu, đề án, dự án để ưu tiên tập trung đào tạo nghề cho lao động địa phương, đồng thời triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch giáo dục nghề nghiệp - việc làm tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao, phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp của tỉnh. Mở rộng, phát triển thị trường lao động, tích cực tìm kiếm thị trường xuất khẩu lao động uy tín, thu nhập cao, ổn định để tổ chức cho lao động địa phương đi làm việc.

5.4- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, biện pháp quản lý bảo đảm phúc lợi xã hội cho cán bộ, công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, nhất là chính sách tiền lương, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc thị trường; tăng hiệu quả, năng suất lao động phải đi đôi với tăng quyền lợi, nâng cao chất lượng đời sống cho cán bộ, công nhân.

5.5- Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách thu hút và sử dụng nhân lực có trình độ, năng lực chuyên môn cao, có đôi mới sáng tạo, nhất là đội ngũ chuyên gia, các nghệ nhân làng nghề thủ công nghiệp.

6. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chú trọng liên kết vùng và hợp tác quốc tế để phát triển công nghiệp

6.1- Lựa chọn, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ chất lượng, thiết thực trong lĩnh vực công nghiệp. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ, khuyến khích, ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phụ trợ,...

6.2- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp có năng lực đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học vào quản lý, sản xuất, kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng, là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Chú trọng hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có uy tín trong nước và quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao các sản phẩm công nghệ.

6.3- Xây dựng chính sách hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ; mở rộng hình thức đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ và nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ.

6.4- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

6.5- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoạt động chuyên giao, đổi mới công nghệ phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025.

7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư và thị trường

7.1- Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư để giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh phát triển công nghiệp của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông, các hội nghị, hội thảo,... về xúc tiến đầu tư phát triển công nghiệp cả trong nước và quốc tế, gắn hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, của các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong khu vực, nhất là các dự án, lĩnh vực tỉnh khuyến khích để mời gọi, thu hút đầu tư, phát triển.

7.2- Tích cực tham gia hợp tác rộng, liên kết sâu trong quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch vùng, lãnh thổ (*xây dựng chương trình hợp tác, liên kết với các tiêu chí, lộ trình, tiến độ thực hiện cụ thể*); tận dụng ưu thế về đất đai, nhân lực, vùng nguyên liệu, quy mô, công suất hoạt động của các khu, cụm công nghiệp nói chung, các nhà máy nói riêng để liên kết chế biến, phát triển vùng nguyên liệu, thu mua nguyên liệu từ các địa phương lân cận và trong khu vực phục vụ chế biến của các nhà máy.

7.3- Triển khai xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước, nhất là các thị trường ổn định, thị trường tiềm năng, tích cực tìm kiếm thị trường nước ngoài để việc tiêu thụ sản phẩm cũng như thu mua nguyên liệu theo nhu cầu chế biến bảo đảm ổn định, hiệu quả kinh tế.

7.4- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, triển khai các giải pháp tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, nhất là Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),... để quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế phát triển công nghiệp của tỉnh nói chung, các sản phẩm, hàng hóa nói riêng.

7.5- Xây dựng ít nhất 01 Trung tâm Logistic tại tỉnh Tuyên Quang.

7.6- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

8. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

8.1- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các giải pháp về phát triển công nghiệp của chính quyền, cơ quan, đơn vị. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương, nhất là người

đứng đầu, chủ đầu tư nhằm phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp; sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của các Ban quản lý khu, cụm công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp trong tình hình mới;

8.2- Xây dựng Quy chế quản lý các cụm công nghiệp; Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, tránh lãng phí đất đai, tài nguyên, bỏ lỡ cơ hội thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tiềm năng.

8.3- Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trong bộ máy hành chính Nhà nước, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt, hiệu quả cao trong quản lý nhà nước và phát triển công nghiệp của tỉnh.

8.4- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phân đấu giải quyết thủ tục hành chính theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (bao gồm cả hồ sơ lĩnh vực công nghiệp) chính xác, nhanh gọn và đạt tỉ lệ từ 50% trở lên.

8.5- Duy trì đối thoại định kỳ giữa doanh nghiệp với cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện tốt quy chế phối hợp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

8.6- Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022 - 2025; tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình “Cà phê doanh nhân” hàng tháng; công khai, minh bạch các chính sách, quy hoạch, kế hoạch có liên quan để kêu gọi thu hút đầu tư; tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cấp huyện,... tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu, khảo sát, triển khai dự án đầu tư và sản xuất, kinh doanh.

8.7- Xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm. Thực hiện hiệu quả hoạt động đối ngoại để thu hút đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

8.8- Tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, nhất là về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường,... kiên quyết xử lý, thu hồi những dự án vi phạm quy định pháp luật; kịp thời xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có sai phạm.

8.9- Chú trọng làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thành tích, đóng góp cho phát triển công nghiệp của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công nhiệm vụ tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và định kỳ (tháng, quý, năm) báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Công Thương để tổng hợp chung toàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất kịp thời biện pháp chỉ đạo với Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung liên quan cho phù hợp thực tiễn; các cơ quan, đơn vị kịp thời kiến nghị, gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy; (phối hợp chỉ đạo);
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TP: KT, TH;
- Các CV: CN, ĐC, XD, QH
- Lưu: VT, CN (TH.CN)

(Báo
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 2: NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TUYẾN QUANG 2021-2025

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Công tác thông tin, tuyên truyền	<i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
2	Về cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp				
2.1	Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ đã có của Trung ương và địa phương	<i>Sở Công Thương</i>	Các sở ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
2.2	Rà soát, hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh các chính sách về khuyến công, khuyến khích phát triển tiêu thủ công nghiệp	<i>Sở Công Thương</i>	Các sở ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
2.3	Xây dựng, ban hành các chính sách về thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	<i>Ban Quản lý các khu Công nghiệp</i>	Sở Công Thương, các sở ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
2.4	Xây dựng, ban hành Chính sách thu hút đầu tư vào những ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế, giá trị kinh tế cao: chế biến nông lâm sản; công nghiệp phụ trợ, điện tử; chế biến sâu khoáng sản; chế biến dược liệu...	<i>Sở Công Thương</i>	Các sở ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
2.5	Rà soát, đề nghị Trung ương điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tạo môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp thực sự thuận lợi, hiệu quả cho cả nhà đầu tư và Nhà nước.	<i>Sở Công Thương</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	

<i>Số TT</i>	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.6	Xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất về đất đai, giải quyết thủ tục hành chính, phát triển vùng nguyên liệu, lao động để thu hút các nhà đầu tư.	<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
2.7	Hoàn thành khoanh vùng, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và triển khai xây dựng Quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung: chè, cam, mía, gỗ rừng trồng; các vùng nguyên liệu mới có lợi thế: Nuôi trồng thủy sản, trồng dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng,... đáp ứng nguyên liệu chế biến, sản xuất cho các nhà máy	<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thành phố	Tích hợp QH tỉnh trong Quý I/2022. Xây dựng quy hoạch các vùng nguyên liệu trong Quý III/2022	
2.8	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ liên kết giữa người sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo thành chuỗi liên kết chặt chẽ, hiệu quả, bền vững; tập trung vào các sản phẩm chủ lực: Gỗ rừng trồng, chè, mía, thủy sản, dược liệu...	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
3	Huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp; ưu tiên đầu tư hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp				
3.1	Hoàn thành quy hoạch, thành lập mới 03 Khu công nghiệp, gồm: (1) Khu công nghiệp Nam Sơn Dương, (2) Khu công nghiệp Tam Đa thuộc huyện Sơn Dương và (3) Khu công nghiệp Đội Cấn - Nhữ Khê. Điều chỉnh mở rộng Khu công nghiệp Long Bình An.	<i>Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh</i>	Sở Công Thương, các sở ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh Quy hoạch trong tháng 8/2022	

<i>Số TT</i>	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.2	Thành lập mới 07 cụm công nghiệp, gồm: (1) Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế, (2) Cụm công nghiệp Tam Đa (3) Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2, huyện Sơn Dương; (4) Cụm công nghiệp An Hòa - Long Bình An và (5) Cụm công nghiệp bám trục đường Hồ Chí Minh, thành phố Tuyên Quang; (6) Cụm nghiệp Đội Cấn - Nhữ Khê (7) Cụm công nghiệp Yên Sơn, huyện Yên Sơn và ở những nơi có lợi thế phát triển cụm công nghiệp	<i>Sở Công Thương</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022 (4 cụm) và Quý II/2022 (3 cụm)	
3.3	Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;	<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
3.4	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;	<i>Sở Giao thông</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh KH trong Quý IV/2021	
3.5	Xây dựng, triển khai Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.	<i>Sở Công Thương</i>	Điện lực Tuyên Quang, các đơn vị liên quan	Trình UBND tỉnh Dự án trong Quý I/2022	
3.6	Xây dựng Kế hoạch sử dụng nguồn lực Quỹ phát triển đất để tạo quỹ đất sạch, xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh.	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh KH trong Quý I/2022	
4	Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế; thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư				
4.1	Rà soát, điều chỉnh, xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại các ngành công nghiệp hiện có	<i>Sở Công Thương</i>	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4.2	Xây dựng Kế hoạch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, rà soát, đánh giá tình hình phát triển các khu, cụm công nghiệp hàng năm	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
4.3	Xây dựng kế hoạch cụ thể và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành, đi vào sản xuất đối với các dự án sản xuất công nghiệp đã có chủ trương đầu tư	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
4.4	Xây dựng Kế hoạch tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu (<i>xác định cụ thể giá trị sản xuất đến năm 2025</i>) đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu; ưu tiên chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, nhất là chế biến sản phẩm xuất khẩu (<i>xác định cụ thể giá trị sản xuất đến năm 2025</i>)	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý II/2022	
4.5	Xây dựng Kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (<i>xác định các ngành cụ thể, giá trị sản xuất đến năm 2025</i>)	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý III/2022	
4.6	Xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
4.7	Xây dựng Dự án phát triển và nâng cấp hệ thống lưới điện trong toàn tỉnh, Phân đầu 100% thôn, bản có điện lưới quốc gia.	Sở Công Thương	Điện lực Tuyên Quang, các đơn vị liên quan	Trình UBND tỉnh Dự án trong Quý I/2022	
4.8	Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án thủy điện đã có chủ trương đầu tư. Đảm bảo tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trên 12%/năm	Sở Công Thương	Các Nhà đầu tư, các sở, ngành liên quan, UBND huyện thành phố	Thường xuyên	

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4.9	Đa dạng hình thức, giải pháp thu hút từ các nước có thể mạnh về nguồn lực, công nghệ tiên tiến, hiện đại để phát triển nguồn năng lượng: Thủy điện, năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời, các dạng năng lượng khác,... có hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường.	Sở Công Thương	Sở Ngoại vụ, các sở, ngành liên quan, UBND huyện thành phố	Thường xuyên	
4.10	Đánh giá trữ lượng của nước mặt và nước ngầm để quy hoạch khai thác, sử dụng đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
4.11	Thực hiện chương trình nước sạch quốc gia, hỗ trợ cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người nghèo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
4.12	Rà soát, đánh giá lại công tác quản lý, kinh doanh nước sạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
4.13	Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện thành phố	Thường xuyên	
5	Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển				
5.1	Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	

<i>Số TT</i>	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5.2	Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực ngành công nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động công nghiệp	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
5.3	Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch giáo dục nghề nghiệp - việc làm tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
5.4	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các chính sách, biện pháp quản lý bảo đảm phúc lợi xã hội cho cán bộ, công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý III/2022	
5.5	Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách thu hút và sử dụng nhân lực có trình độ, năng lực chuyên môn cao, có đổi mới sáng tạo, nhất là đội ngũ chuyên gia, các nghệ nhân làng nghề thủ công nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý IV/2022	
6	Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chú trọng liên kết vùng và hợp tác quốc tế để phát triển công nghiệp				
6.1	Lựa chọn, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ chất lượng, thiết thực trong lĩnh vực công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6.2	Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp có năng lực đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học vào quản lý, sản xuất, kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý II/2022	
6.3	Xây dựng chính sách hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý IV/2022	
6.4	Thực hiện nghiêm các quy định về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
6.5	Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý III/2022	
7	Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư và thị trường				
7.1	Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2021-2025	Trung tâm xúc tiến đầu tư	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
7.2	Tích cực tham gia hợp tác rộng, liên kết sâu trong quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch vùng, lãnh thổ (<i>xây dựng chương trình hợp tác, liên kết với các tiêu chí, lộ trình, tiến độ thực hiện cụ thể</i>)	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý II/2022	
7.3	Triển khai xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý III/2022	

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.4	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý I/2022	
7.5	Xây dựng ít nhất 01 Trung tâm Logistic tại tỉnh Tuyên Quang	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý II/2022	
7.6	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh trong Quý IV/2021	
8	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh				
8.1	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các giải pháp về phát triển công nghiệp của chính quyền, cơ quan, đơn vị.	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
8.2	Xây dựng Quy chế quản lý các cụm công nghiệp; Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	BQL các khu CN tỉnh, các ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh Quý II/2022	
8.3	Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt, hiệu quả cao trong quản lý nhà nước và phát triển công nghiệp của tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8.4	Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu giải quyết thủ tục hành chính theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (bao gồm cả hồ sơ lĩnh vực công nghiệp) chính xác, nhanh gọn và đạt tỉ lệ từ 50% trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
8.5	Duy trì đối thoại định kỳ giữa doanh nghiệp với cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện tốt quy chế phối hợp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
8.6	Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022 – 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Trình UBND tỉnh Quý I/2022	
8.7	Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình “Cà phê doanh nhân” hàng tháng.	Trung tâm xúc tiến đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Hàng tháng	
8.8	Xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm. Thực hiện hiệu quả hoạt động đối ngoại để thu hút đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
8.9	Tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, nhất là về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường,... kiên quyết xử lý, thu hồi những dự án vi phạm quy định pháp luật; kịp thời xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có sai phạm.	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	

Số TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8.10	Chú trọng làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thành tích, đóng góp cho phát triển công nghiệp của tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	

